

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1238/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim A**, sinh năm: 1970;

CCCD số: 079170014623;

Địa chỉ: C khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1968;

CCCD số: 079068020219;

Địa chỉ: C, tổ A, khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh)..

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Kim A và ông Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim A và ông Nguyễn Văn B đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/1989 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/12/1989 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Võ Thị Kim A và ông Nguyễn Văn B xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Chí T (giới tính: nam), sinh ngày 24/01/1990 và Nguyễn Thanh D (giới tính: nam), sinh ngày 19/8/2004 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Kim A và ông Nguyễn Văn B đều xác nhận tự thoả thuận nên Tòa không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Kim A và ông Nguyễn Văn B đều xác nhận không có nên Tòa không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Võ Thị Kim A tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038284 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND khu vực 10 – TP.HCM (2);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (2).



THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới